

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 27/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Thạch Văn Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-DS ngày 03/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1). Địa chỉ: Số B đường N, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám Đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Sĩ K, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S- chi nhánh S2. Địa chỉ: Số C, T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Theo giấy uỷ quyền số 93/2024/GUQ-CNST, ngày 15/4/2024) (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Thanh P. Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2024 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Sĩ K trình bày:

Ngày 27/07/2022, ông Trần Thanh P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số Thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
VISA	472074-8315	50.000.000	27/07/2022	31.2%/năm 2.6%/tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Trần Thanh P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.300.000 đồng

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Trần Thanh P phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Trần Thanh P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.709.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trần Thanh P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trần Thanh P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/07/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này 55.237.418 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Do ông Trần Thanh P vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Trần Thanh P trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 19/02/2024 là 72.349.450 đồng. Cụ thể:

Loại thẻ	Số Thẻ	Gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
VISA	472074-8315	55.237.418	17.112.032	4.15% (2.77% x150%)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Trần Thanh P, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Trần Thanh P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc ông Trần Thanh P phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/02/2024 là 72.349.450 đồng (Bảy mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi đồng), trong đó:

- Vốn gốc: 55.237.418 đồng
- Lãi quá hạn: 17.112.032 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/02/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết:

Buộc ông Trần Thanh P phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/8/2024) là 86.864.120 đồng (Tám mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm hai mươi đồng) trong đó:

- Vốn gốc: 55.237.418 đồng
- Lãi quá hạn : 31.626.702 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay cho Ngân hàng theo mức lãi suất mà hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Đối với bị đơn ông Trần Thanh P: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng ông Trần Thanh P vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh P phải trả số tiền vốn vay, tiền lãi còn nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Trần Thanh P cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn ông Trần Thanh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Thanh P.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Thanh P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/8/2024) là 86.864.120 đồng (Tám mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm hai mươi đồng) trong đó:

- Vốn gốc: 55.237.418 đồng
- Lãi quá hạn: 31.626.702 đồng

Đồng thời, yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong các khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 27/7/2022 thì giữa chủ thẻ chính là ông Trần Thanh P và bên phát hành thẻ là Ngân hàng TMCP S có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ các Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng TMCP S cung cấp đã thể hiện ông Trần Thanh P kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 8/2022, trong quá trình sử dụng thẻ ông Trần Thanh P thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.300.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 14.709.000 đồng, việc thanh toán được thực hiện theo thứ tự ưu tiên thanh toán được quy định tại Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Kể từ ngày 10/02/2023 ông Trần Thanh P bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận với Ngân hàng TMCP S.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...” Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Xét thấy, bị đơn ông Trần Thanh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều

khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Cho nên, ngày 11/7/2023 Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm ngày 11/7/2023 là 55.237.418 đồng làm nợ gốc. Đồng thời, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh P phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 55.237.418 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn: Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Thanh P trả tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/8/2024 với số tiền lãi quá hạn là 31.626.702 đồng và buộc ông Trần Thanh P phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

“2. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này...”

Căn cứ Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) qui định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 27/7/2022 thì giữa chủ thẻ chính là ông Trần Thanh P và bên phát hành thẻ là Ngân hàng TMCP S có thỏa thuận lãi suất là 31,2%/năm (2,6%/tháng), sau đó mức lãi suất vay được điều chỉnh thành 33,2%/năm (2,77%/tháng), mức lãi suất này phù hợp với mức lãi suất được quy định tại Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 của Ngân hàng TMCP S.

Căn cứ Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định: “Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên thẻ ...”.

Căn cứ Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định: “Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của S1. Sau 75 ngày kể từ ngày lập TBGD hoặc sau 03 (ba) kỳ TBGD liên tiếp, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu ...”.

Do ông Trần Thanh P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận giữa các bên nên việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi quá hạn là 4,15%/tháng (150% lãi suất vay) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, việc Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Thanh P trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 27/8/2024) với số tiền là 31.626.702 đồng và buộc ông Trần Thanh P phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S là có cơ sở để chấp nhận.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Thanh P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/8/2024) là 86.864.120 đồng (Tám mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm hai mươi đồng) trong đó: Vốn gốc 55.237.418 đồng; Lãi quá hạn : 31.626.702 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong các khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Trần Thanh P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là $(86.864.120 \text{ đồng} \times 05\%) = 4.343.206 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 385, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Trần Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27 tháng 8 năm 2024) tổng cộng là 86.864.120 đồng (Tám mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm hai mươi đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 55.237.418 đồng

(Năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm mười tám đồng); T1 lãi quá hạn : 31.626.702 đồng (Ba mươi một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ hai đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2024) ông Trần Thanh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì mức lãi suất mà ông Trần Thanh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.808.736 đồng (Một triệu tám trăm lẻ tám nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000901 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Trần Thanh P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.343.206 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm lẻ sáu đồng)

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Lam